

**CÔNG TY TNHH
BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Chủ tịch	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	8 - 9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 35

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm FWD Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH Bảo hiểm FWD Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 55GP/KDBH ngày 23 tháng 10 năm 2008 do Bộ Tài chính cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy phép điều chỉnh gần nhất là giấy phép số 55/GPĐC3/KDBH ngày 10 tháng 6 năm 2020.

Thời hạn hoạt động của Công ty là 25 năm kể từ ngày 23 tháng 10 năm 2008.

Trụ sở chính đặt tại Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh tại Hồ Chí Minh đặt tại Phòng 201-202, tòa nhà UOA, số 6 đường Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty là kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch và Tổng Giám đốc

Chủ tịch và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Chủ tịch

Họ và tên	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2024 và phê duyệt bởi Bộ Tài chính ngày 03 tháng 01 năm 2025
Ông Chen Yi Chung	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2024

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Đặng Dũng (bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực khi được phê duyệt bởi Bộ Tài chính).

Tại ngày ký báo cáo này Công ty vẫn đang chờ Bộ Tài chính phê duyệt hồ sơ Tổng Giám đốc của Ông Trần Đặng Dũng.

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2024 và phê duyệt bởi Bộ Tài chính ngày 03 tháng 01 năm 2025
Ông Chen Yi Chung	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2024

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chủ tịch phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 35. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025



Bùi Thị Thanh Hiền
Chủ tịch



Số: 1.0545/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ TỊCH VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Bảo hiểm FWD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Bảo hiểm FWD Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số I.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, ngày 04 tháng 4 năm 2022, Công ty đã nộp báo cáo hoàn tất giao dịch tới Bộ Tài chính và yêu cầu phê duyệt việc thay đổi chủ sở hữu và điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động. Tại ngày ký Báo cáo tài chính này, Bộ Tài chính chưa phê duyệt việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty và Công ty vẫn đang trong quá trình cung cấp thêm thông tin cho Bộ Tài chính về giao dịch chuyển nhượng vốn này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Nguyễn Chí Dũng**Thành viên Ban Giám đốc***Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1*

Người được uỷ quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025


Hồ Thị Kim Phi**Kiểm toán viên***Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3136-2025-008-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.142.880.809.319	1.689.179.041.586
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		143.393.181.851	112.053.424.317
1. Tiền	111	V.1	143.393.181.851	112.053.424.317
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		923.873.189.365	1.444.464.196.290
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	923.873.189.365	1.444.464.196.290
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73.150.804.636	130.494.100.425
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	12.547.026.626	20.416.692.068
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		12.547.026.626	20.416.692.068
2. Trả trước ngắn hạn cho người bán	132		-	52.390.800
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	V.4a	60.603.778.010	110.025.017.557
IV. Hàng tồn kho	140		-	506.000
1. Hàng tồn kho	141		-	506.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.463.633.467	2.166.814.554
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.463.633.467	2.166.814.554
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.352.703.734.492	817.342.342.465
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		28.498.735.412	17.118.948.872
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.4b	28.498.735.412	17.118.948.872
4.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		12.000.000.000	12.000.000.000
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		16.498.735.412	5.118.948.872
II. Tài sản cố định	220		46.196.320.167	58.333.761.971
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	4.924.759.842	7.294.086.383
- Nguyên giá	222		15.390.726.368	14.886.047.768
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.465.966.526)	(7.591.961.385)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	40.492.331.825	12.500.493.803
- Nguyên giá	228		74.246.269.033	36.271.168.779
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.753.937.208)	(23.770.674.976)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	779.228.500	38.539.181.785
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.277.739.870.752	741.298.609.060
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.2	1.277.739.870.752	741.298.609.060
V. Tài sản dài hạn khác	260		268.808.161	591.022.562
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		268.808.161	591.022.562
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.495.584.543.811	2.506.521.384.051

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DNNT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.561.302.249.328	1.617.615.001.303
I. Nợ ngắn hạn	310		115.453.198.260	102.234.291.076
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312	V.8	104.234.078.539	71.272.566.813
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		104.011.519.749	70.811.442.478
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		222.558.790	461.124.335
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	5.397.598.237	19.824.562.508
6. Chi phí phải trả	316	V.10	764.999.417	3.198.715.610
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	5.056.522.067	7.938.446.145
8.1 Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319.1		4.493.105.824	7.399.286.278
8.2 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319.2		563.416.243	539.159.867
II. Nợ dài hạn	330		1.445.849.051.068	1.515.380.710.227
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		119.516.575	100.422.075
10. Dự phòng nghiệp vụ	344	V.12	1.445.729.534.493	1.515.280.288.152
10.1. Dự phòng toán học	344.1		1.364.752.321.794	1.442.783.364.019
10.2. Dự phòng phí chưa được hưởng	344.2		1.318.756.410	2.320.992.310
10.3. Dự phòng bồi thường	344.3		1.360.728.007	2.799.843.203
10.4. Dự phòng chia lãi	344.4		72.664.986.606	62.315.957.742
10.5. Dự phòng đảm bảo cân đối	344.5		5.632.741.676	5.060.130.878
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		934.282.294.483	888.906.382.748
I. Vốn chủ sở hữu	410		934.282.294.483	888.906.382.748
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.13	600.000.000.000	600.000.000.000
7. Quỹ dự trữ bắt buộc	419	V.13a	25.265.206.851	22.994.990.986
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.13a	309.017.087.632	265.911.391.762
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		265.911.391.762	200.198.205.259
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		43.105.695.870	65.713.186.503
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.495.584.543.811	2.506.521.384.051

TP. Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thu Mai
Kế toán trưởng

Trần Đặng Dũng
Giám đốc cấp cao Khối Tài chính

Bùi Thị Thanh Hiền
Chủ tịch



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		132.990.064.206	233.781.270.028
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.4	150.512.080.427	179.216.161.685
4. Thu nhập khác	13		369.552.415	273.026.276
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20		(129.047.505.165)	(193.220.979.029)
6. Chi phí hoạt động tài chính	22		(1.567.100.725)	(1.579.688.064)
7. Chi phí bán hàng	23	VI.5	(16.454.672.251)	(14.162.667.259)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	VI.6	(80.023.314.414)	(117.746.270.071)
9. Chi phí khác	25		(90.635.458)	(96.490.113)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.688.469.035	86.464.363.453
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	(11.312.557.300)	(17.292.588.187)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.375.911.735	69.171.775.266

TP. Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Thu Mai
Kế toán trưởng


Trần Đăng Dũng
Giám đốc cấp cao Khối Tài chính


Bùi Thị Thanh Hiền
Chủ tịch

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHẦN II – BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm	01	VI.1	132.881.262.587	234.000.730.928
<i>Phí bảo hiểm gốc</i>	01.1		131.879.026.687	232.972.950.488
<i>Phí nhận tái bảo hiểm</i>	01.2		-	-
<i>Giảm dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc</i>	01.3		1.002.235.900	1.027.780.440
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02		(430.032.525)	(662.624.729)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần	03		132.451.230.062	233.338.106.199
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		538.834.144	443.163.829
<i>Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm</i>	04.1		538.834.144	443.163.829
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		132.990.064.206	233.781.270.028
6. Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	11		(196.416.537.031)	(230.865.391.406)
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		8.160.000	16.080.000
8. Giảm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	13		68.548.517.759	40.222.792.709
10. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	15	VI.2	(127.859.859.272)	(190.626.518.697)
11. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	16	VI.3	(1.187.645.893)	(2.594.460.332)
<i>Chi hoa hồng bảo hiểm</i>	16.1		(1.003.816.883)	(2.230.495.975)
<i>Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</i>	16.2		(183.829.010)	(363.964.357)
12. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17		(129.047.505.165)	(193.220.979.029)
13. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	18		3.942.559.041	40.560.290.999
17. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	150.512.080.427	179.216.161.685
18. Chi phí hoạt động tài chính	23		(1.567.100.725)	(1.579.688.064)
19. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	24		148.944.979.702	177.636.473.621
20. Chi phí bán hàng	25	VI.5	(16.454.672.251)	(14.162.667.259)
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	(80.023.314.414)	(117.746.270.071)
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.409.552.078	86.287.827.290
23. Thu nhập khác	31		369.552.415	273.026.276
24. Chi phí khác	32		(90.635.458)	(96.490.113)
25. Lợi nhuận khác	40		278.916.957	176.536.163
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.688.469.035	86.464.363.453
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	(11.312.557.300)	(17.292.588.187)
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.375.911.735	69.171.775.266

TP. Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thu Mai
Kế toán trưởng

Trần Đăng Dũng
Giám đốc cấp cao Khối Tài chính

Bùi Thị Thanh Hiền
Chủ tịch

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		56.688.469.035	86.464.363.453
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.5, 6	12.936.327.651	4.109.085.672
- Các khoản dự phòng	03		(69.531.659.159)	(41.795.538.171)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(150.488.792.838)	(179.164.805.158)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(150.395.655.311)	(130.386.894.204)
- Giảm các khoản phải thu	09		10.889.099.784	23.148.675.048
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		506.000	(506.000)
- Tăng các khoản phải trả	11		27.839.377.200	25.588.643.442
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		25.395.488	(659.740.947)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.9	(24.200.911.849)	(2.806.201.139)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>(135.842.188.688)</u>	<u>(85.116.023.800)</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.558.321.036)	(37.692.626.002)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.752.193	45.060.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.450.000.000.000)	(1.630.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.430.000.000.000	1.595.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		189.729.515.065	134.135.316.438
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>167.181.946.222</u>	<u>61.987.750.436</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		<u>31.339.757.534</u>	<u>(23.128.273.364)</u>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	<u>112.053.424.317</u>	<u>135.181.697.681</u>
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>143.393.181.851</u>	<u>112.053.424.317</u>

5/3
C
O
V
A
4/0
TRÁI
IỂM
9/1

TP. Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Thu Mai
Kế toán trưởng


Trần Đặng Dũng
Giám đốc cấp cao Khối Tài chính


Bùi Thị Thanh Hiền
Chủ tịch



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Bảo hiểm FWD Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh bảo hiểm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh của Công ty là 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty TNHH Bảo hiểm FWD Việt Nam được thành lập tại Việt Nam ngày 23 tháng 10 năm 2008 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 55GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 55/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 10 tháng 6 năm 2020. Theo Giấy phép điều chỉnh này, Công ty được sở hữu toàn bộ bởi FWD Life Insurance Company (Bermuda) Limited, một công ty được thành lập tại Bermuda.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 2411/BTC-QLBH chấp thuận về nguyên tắc việc chuyển đổi chủ sở hữu của Công ty từ FWD Life Insurance Company (Bermuda) Limited sang một nhóm gồm 11 nhà đầu tư, trong đó mỗi nhà đầu tư sở hữu không quá 10% cổ phần của Công ty, được đại diện bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (TVSI) là bên nhận ủy quyền từ nhóm các nhà đầu tư này để thực hiện các thủ tục liên quan đến giao dịch chuyển đổi chủ sở hữu. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2022, nhóm các nhà đầu tư mới của Công ty được đại diện bởi TVSI đã thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn cho FWD Life Insurance Company (Bermuda) Limited thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp (DICA) của Công ty liên quan đến giao dịch chuyển nhượng vốn, tại ngày kết thúc năm tài chính số dư tài khoản DICA của Công ty bằng không. Giao dịch này đã được hoàn tất trong ngày 21 tháng 3 năm 2022. Theo xác nhận chuyển nhượng giữa FWD Life Insurance Company (Bermuda) Limited và TVSI ngày 08 tháng 6 năm 2022, quyền sở hữu của Công ty đã được thực chuyển từ FWD Life Insurance Company (Bermuda) Limited sang các nhà đầu tư mới vào ngày 21 tháng 3 năm 2022. Ngày 22 tháng 3 năm 2022, Công ty đã công bố thực hiện thành công việc chuyển quyền sở hữu sang các nhà đầu tư mới trên website của Công ty.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, Công ty đã nộp báo cáo hoàn tất giao dịch cho Bộ Tài chính và yêu cầu phê duyệt việc thay đổi chủ sở hữu và điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động. Tại ngày ký Báo cáo tài chính này, Bộ Tài chính chưa phê duyệt việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty và Công ty vẫn đang trong quá trình cung cấp thêm thông tin cho Bộ Tài chính về giao dịch chuyển nhượng vốn này.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
7. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 49 nhân viên (số đầu năm là 66 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “đồng”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
3. **Các khoản đầu tư tài chính**
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn từ 12 tháng trở xuống kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

Đầu tư dài hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán và được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản phụ trội hoặc chiết khấu phát sinh từ việc mua trái phiếu Chính phủ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho giai đoạn từ ngày mua đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Công ty thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư tại ngày của Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

Tạm ứng đóng Phí bảo hiểm tự động và tạm ứng từ Giá trị hoàn lại

Khi hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đã có giá trị hoàn lại và đang có hiệu lực, bên mua bảo hiểm được quyền tạm ứng đóng phí bảo hiểm tự động và tạm ứng từ giá trị hoàn lại như sau:

Tạm ứng đóng Phí bảo hiểm tự động

Khi kết thúc thời gian gia hạn đóng phí, nếu Bên mua bảo hiểm không đóng hoặc đóng không đủ Phí bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm đã có Giá trị hoàn lại, Công ty sẽ tự động tạm ứng từ Giá trị hoàn lại để đóng Phí bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm theo các điều kiện sau:

- Nếu Giá trị hoàn lại trừ đi các Khoản nợ (nếu có) lớn hơn hoặc bằng Phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí của Hợp đồng bảo hiểm, Công ty sẽ tự động đóng Phí bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm theo định kỳ đóng phí của Hợp đồng bảo hiểm.
- Nếu Giá trị hoàn lại trừ đi các Khoản nợ (nếu có) nhỏ hơn Phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí của Hợp đồng bảo hiểm, Công ty sẽ tiếp tục tự động đóng Phí bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm theo định kỳ đóng phí ngắn hơn kế tiếp.
- Nếu Giá trị hoàn lại trừ đi các Khoản nợ (nếu có) nhỏ hơn Phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí ngắn nhất, Hợp đồng bảo hiểm vẫn được tiếp tục duy trì hiệu lực cho đến hết thời hạn của định kỳ đóng phí ngắn nhất đó. Giá trị hoàn lại trừ đi các khoản tạm ứng đóng Phí bảo hiểm tự động và lãi (nếu có) chỉ khi nhỏ hơn hoặc bằng 0 khi đó Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực.

Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại

Khi Hợp đồng bảo hiểm đã có Giá trị hoàn lại và đang có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu tạm ứng từ Giá trị hoàn lại với điều kiện số tiền tạm ứng không được vượt quá 80% Giá trị hoàn lại tại thời điểm yêu cầu tạm ứng sau khi trừ đi các Khoản nợ (nếu có) và đáp ứng số tiền tạm ứng tối thiểu là 01 triệu VND/lần tạm ứng. Trường hợp Công ty có thay đổi mức tạm ứng tối thiểu, Công ty sẽ công bố trên website của Công ty.

Khoản tạm ứng đóng Phí bảo hiểm tự động và tạm ứng từ Giá trị hoàn lại được Công ty tính lãi theo quy định và được ghi nhận vào khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Các khoản phải thu phí bảo hiểm được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của Bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	3 – 5

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính và bản quyền. Chi phí liên quan đến chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính và bản quyền là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đã sẵn sàng đưa vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 08 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích kinh doanh, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải trả liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
- Phải trả khác cho người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ không liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các giả định và phương pháp mà Chuyên gia tính toán được chỉ định của Công ty xác lập đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt, cùng với các quy định và hướng dẫn trong Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm (Thông tư 67), Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm (Nghị định 46).

Dự phòng nghiệp vụ của Công ty bao gồm:

Dự phòng toán học

Dự phòng toán học là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho các đơn bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

Ngoài ra, Công ty áp dụng phương pháp nâng tuổi bảo hiểm để trích lập dự phòng nghiệp vụ cho các hợp đồng bảo hiểm có rủi ro dưới chuẩn. Tuy nhiên, phương pháp này vẫn chưa được phê duyệt chính thức bởi Bộ Tài chính nhưng để đảm bảo tính thận trọng, Công ty vẫn tiếp tục áp dụng. Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các ảnh hưởng nếu có của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 859.791.045 VND (năm trước: 920.337.898 VND) và kết luận rằng ảnh hưởng này là không trọng yếu.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã nhận vào ngày kết thúc năm tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến ngày kết thúc năm tài chính chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến ngày kết thúc năm tài chính chưa được giải quyết.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống và cho các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe.

Dự phòng lãi chia

Dự phòng lãi chia đã công bố được xác định bằng Bảo tức đã công bố cho chủ Hợp đồng trong năm tài chính hiện tại, cộng thêm khoản tích lũy của Bảo tức đã công bố cho chủ Hợp đồng trong các năm trước đó nhưng chưa chi trả.

Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm với mức trích lập là 1% từ lợi nhuận trước thuế cho đến khi khoản dự phòng này bằng 5% của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Công ty tuân thủ theo Nghị định 46 và Thông tư 67.

12. Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí được Bảo hiểm xã hội Việt Nam trả cho nhân viên của Công ty đã nghỉ hưu. Công ty có trách nhiệm đóng góp một phần vào khoản trợ cấp này bằng cách đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ở mức 18% lương hàng tháng của nhân viên; kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2017, mức đóng là 17,5% theo Quyết định số 595/2017/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Ngoài khoản đóng góp này, Công ty không còn nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí đối với nhân viên.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật Bảo hiểm xã hội và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, quỹ bảo hiểm thất nghiệp sẽ được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Theo đó, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công hàng tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Nghị định số 46, Công ty phải trích 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam

14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng và được phê duyệt theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được xác định phù hợp với Thông tư 67. Phí bảo hiểm đóng định kỳ được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc dồn tích, tương ứng với phần dịch vụ bảo hiểm cung cấp trong kỳ sau khi hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết. Các khoản phí đến hạn sau ngày lập báo cáo nhưng đã nhận được trước ngày kết thúc năm tài chính sẽ được ghi nhận là “Phí bảo hiểm tạm thu, nhận trước” như đã trình bày ở thuyết minh số V.11.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản lãi tiền gửi và trái tức. Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lãi suất hiệu dụng mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng của các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu Chính phủ và giá trị của nó khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ đã được dồn tích trước khi Công ty mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ, Công ty phải phân bổ vào cả các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Công ty. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán là một khoản phải thu lãi tại ngày mua.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

Thu bồi thường từ nhượng tái bảo hiểm

Thu bồi thường từ nhượng tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phát sinh được thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm theo các điều khoản trong thỏa thuận tái bảo hiểm.

16. Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một khoản giảm trừ đối với phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận. Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm không làm giảm trách nhiệm của Công ty đối với khách hàng được bảo hiểm trong trường hợp các công ty nhận tái bảo hiểm không có khả năng hoàn thành các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng tái bảo hiểm.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Các khoản chi phí bao gồm:

Chi phí hoa hồng

Chi phí hoa hồng là các khoản phí phải trả cho các đại lý bảo hiểm, được tính trên phí bảo hiểm gốc và được hạch toán trên cơ sở trích trước. Chi phí hoa hồng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh dựa trên trách nhiệm bồi thường đã được xác định cho chủ hợp đồng hoặc người thụ hưởng các khoản lợi ích của chủ hợp đồng và khoản bồi thường cho sự kiện bảo hiểm đã xảy ra đến ngày lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản bồi thường đã được nộp nhưng đang trong quá trình xét duyệt tại ngày lập Bảng cân đối kế toán sẽ được bao gồm trong dự phòng bồi thường.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ bảo hiểm nhân thọ, chủ yếu bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí khuyến mại và thuê văn phòng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, chi phí thuê văn phòng, chi phí công nghệ thông tin, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bao gồm thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Công cụ tài chính

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính, Công ty chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan khác để trình bày các thuyết minh bổ sung về công cụ tài chính theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

20. Bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc, Chủ tịch Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

21. Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thành lập và hoạt động theo luật Việt Nam yêu cầu Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh số V.5 và V.6); và
- Dự phòng nghiệp vụ (Thuyết minh số IV.11 và V.12).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Công ty đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	143.393.181.851	112.053.424.317
Cộng	143.393.181.851	112.053.424.317

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	923.873.189.365	923.873.189.365	1.444.464.196.290	1.444.464.196.290
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	900.000.000.000	900.000.000.000	1.418.000.000.000	1.418.000.000.000
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại	23.873.189.365	23.873.189.365	26.464.196.290	26.464.196.290
Dài hạn	1.277.739.870.752	1.277.739.870.752	741.298.609.060	741.298.609.060
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱⁱ⁾	418.000.000.000	418.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000
Trái phiếu Chính phủ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	389.739.870.752	389.739.870.752	391.298.609.060	391.298.609.060
Trái phiếu doanh nghiệp ^(iv)	470.000.000.000	470.000.000.000	-	-
Cộng	2.201.613.060.117	2.201.613.060.117	2.185.762.805.350	2.185.762.805.350

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2024, hưởng lãi suất từ 4,4% đến 10,7%/năm (năm trước: 6,5% đến 10,7%/năm).
- (ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2024, với lãi suất từ 6% đến 6,8%/năm (năm trước: 6% đến 6,55%/năm).
- (iii) Trái phiếu Chính phủ có thời hạn trên 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2024, với lãi suất danh nghĩa từ 4,0% đến 7,4%/năm (năm trước: 4,0% đến 7,4%/năm).
- (iv) Trái phiếu doanh nghiệp có thời hạn trên 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2024, với lãi suất danh nghĩa từ 5,88% đến 8,5%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu phí bảo hiểm gốc ⁽ⁱ⁾	12.006.032.482	20.013.420.630
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	540.994.144	403.271.438
Cộng	12.547.026.626	20.416.692.068

- (i) Các khoản phải thu phí bảo hiểm cho các hợp đồng đang có hiệu lực, được ghi nhận khi đến hạn thu phí, tương ứng với số phí phải thu theo kỳ.

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu từ các hợp đồng tiền gửi sẽ nhận được trong vòng 1 năm	43.452.328.774	93.751.068.488
Lãi dự thu từ trái phiếu chính phủ	12.518.980.831	12.516.241.103
Lãi dự thu từ tạm ứng từ giá trị hoàn lại	4.058.147.753	3.396.185.027
Lãi dự thu từ trái phiếu doanh nghiệp	308.876.700	-
Tạm ứng cho nhân viên	-	112.400.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	265.443.952	249.122.939
Cộng	60.603.778.010	110.025.017.557

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAMĐịa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

4b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc ⁽ⁱ⁾	12.000.000.000	12.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	16.452.713.412	4.978.672.324
<i>Đặt cọc tiền thuê văn phòng</i>	<i>1.513.442.862</i>	<i>1.513.442.862</i>
<i>Lãi dự thu từ các hợp đồng tiền gửi sẽ nhận được sau 1 năm</i>	<i>14.914.520.550</i>	<i>3.440.479.462</i>
<i>Các khoản đặt cọc dài hạn khác</i>	<i>24.750.000</i>	<i>24.750.000</i>
Trả trước cho người bán dài hạn	46.022.000	140.276.548
Cộng	<u>28.498.735.412</u>	<u>17.118.948.872</u>

- (i) Theo Điều 96, Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022, Công ty phải đảm bảo có khoản tiền gửi tại ngân hàng tương đương 2% vốn điều lệ tối thiểu tại thời điểm thành lập doanh nghiệp bảo hiểm là 600.000.000.000 VND.

5. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.961.211.272	10.859.606.496	65.230.000	14.886.047.768
Mua trong năm	-	611.058.600	-	611.058.600
Thanh lý, nhượng bán	-	(106.380.000)	-	(106.380.000)
Số cuối năm	<u>3.961.211.272</u>	<u>11.364.285.096</u>	<u>65.230.000</u>	<u>15.390.726.368</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	4.377.568.420	-	4.377.568.420
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	935.285.994	6.637.106.391	19.569.000	7.591.961.385
Khấu hao trong năm	660.201.878	2.279.817.541	13.046.000	2.953.065.419
Thanh lý, nhượng bán	-	(79.060.278)	-	(79.060.278)
Số cuối năm	<u>1.595.487.872</u>	<u>8.837.863.654</u>	<u>32.615.000</u>	<u>10.465.966.526</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>3.025.925.278</u>	<u>4.222.500.105</u>	<u>45.661.000</u>	<u>7.294.086.383</u>
Số cuối năm	<u>2.365.723.400</u>	<u>2.526.421.442</u>	<u>32.615.000</u>	<u>4.924.759.842</u>

6. Tài sản cố định vô hình

	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	36.271.168.779
Chuyển từ xây dựng cơ bản	37.975.100.254
Số cuối năm	<u>74.246.269.033</u>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	21.618.760.804

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAMĐịa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

	Chương trình phần mềm máy tính
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	23.770.674.976
Khấu hao trong năm	9.983.262.232
Số cuối năm	33.753.937.208
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	12.500.493.803
Số cuối năm	40.492.331.825

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí xây dựng hệ thống vận hành nghiệp vụ hoạt động bảo hiểm và các hệ thống phần mềm liên quan. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	38.539.181.785	14.345.423.493
Chi phí phát sinh trong năm	215.146.969	34.594.206.267
Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	(37.975.100.254)	(10.400.447.975)
Số cuối năm	779.228.500	38.539.181.785

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	104.011.519.749	70.811.442.478
Phải trả quyền lợi tiền mặt cho chủ hợp đồng bảo hiểm	87.790.638.824	53.520.911.110
Phải trả khác cho chủ hợp đồng bảo hiểm ⁽ⁱ⁾	15.856.006.500	16.834.128.200
Phải trả phí nhượng tái	222.796.372	143.943.091
Phải trả khác	142.078.053	312.460.077
Phải trả khác cho người bán	222.558.790	461.124.335
Cộng	104.234.078.539	71.272.566.813

- ⁽ⁱ⁾ Phải trả khác cho chủ hợp đồng bảo hiểm bao gồm phải trả giá trị hoàn lại, giá trị đáo hạn và quỹ chăm sóc sức khỏe và quyền lợi tiền mặt chủ yếu liên quan đến các hợp đồng của sản phẩm “Bảo an Toàn gia”, “Bảo an Tài trí”, “Bảo an Thành tài” và “Bảo an Tài trí ưu việt”.

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT	-	977.472	(977.472)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.292.588.187	11.312.557.300	(24.200.911.849)	4.404.233.638
Thuế thu nhập cá nhân	2.447.307.320	9.518.306.311	(10.991.917.972)	973.695.659
Các loại thuế khác ⁽ⁱ⁾	84.667.001	931.645.118	(996.643.179)	19.668.940
Cộng	19.824.562.508	21.763.486.201	(36.190.450.472)	5.397.598.237

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng cho hoạt động thanh lý tài sản là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.688.469.035	86.464.363.453
Thuế tính ở thuế suất 20%	11.337.693.807	17.292.872.691
Các khoản điều chỉnh:		
- Chi phí không được khấu trừ	72.450.879	48.896.629
- Chênh lệch tạm thời không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	(125.992.958)	(223.443.005)
- Chi phí thuế TNDN của các năm trước	28.405.572	174.261.872
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.312.557.300	17.292.588.187

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí chuyên gia	232.200.000	300.900.000
Lương theo kết quả kinh doanh	292.500.000	906.000.000
Chi phí phần mềm	-	1.647.834.467
Chi phí phải trả khác	240.299.417	343.981.143
Cộng	764.999.417	3.198.715.610

11. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí bảo hiểm tạm thu, nhận trước ⁽ⁱ⁾	4.493.105.824	7.399.286.278
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam - phải trả khác (là bên liên quan)	530.159.867	530.159.867
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	33.256.376	9.000.000
Cộng	5.056.522.067	7.938.446.145

(i) Đây là khoản tiền khách hàng nộp trước cho phí phải nộp của nhiều kỳ kế toán và phí khách hàng nộp nhầm.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

12. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng toán học	1.364.752.321.794	1.442.783.364.019
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.318.756.410	2.320.992.310
Dự phòng bồi thường	1.360.728.007	2.799.843.203
Dự phòng chia lãi	72.664.986.606	62.315.957.742
Dự phòng đảm bảo cân đối	5.632.741.676	5.060.130.878
Cộng	1.445.729.534.493	1.515.280.288.152

Biến động về các khoản dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Biến động trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Dự phòng toán học	1.442.783.364.019	(78.031.042.225)	1.364.752.321.794
Dự phòng phí chưa được hưởng	2.320.992.310	(1.002.235.900)	1.318.756.410
Dự phòng bồi thường	2.799.843.203	(1.439.115.196)	1.360.728.007
Dự phòng chia lãi	62.315.957.742	10.349.028.864	72.664.986.606
Dự phòng đảm bảo cân đối	5.060.130.878	572.610.798	5.632.741.676
Cộng	1.515.280.288.152	(69.550.753.659)	1.445.729.534.493

13. Vốn chủ sở hữu**13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ dự trữ bắt buộc</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	600.000.000.000	19.536.402.223	200.198.205.259	819.734.607.482
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	69.171.775.266	69.171.775.266
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước	-	3.458.588.763	(3.458.588.763)	-
Số dư cuối năm trước	600.000.000.000	22.994.990.986	265.911.391.762	888.906.382.748
Số dư đầu năm nay	600.000.000.000	22.994.990.986	265.911.391.762	888.906.382.748
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	45.375.911.735	45.375.911.735
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc trong năm nay	-	2.270.215.865	(2.270.215.865)	-
Số dư cuối năm nay	600.000.000.000	25.265.206.851	309.017.087.632	934.282.294.483

13b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 55/GPĐC3/KDBH sửa đổi lần gần nhất ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính, vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 VND.

Cũng theo giấy phép này, chủ sở hữu của Công ty (sở hữu 100% vốn điều lệ) là FWD Life Insurance Company (Bermuda) Limited, mặc dù quyền sở hữu của Công ty đã được chuyển sang một nhóm các nhà đầu tư mới vào ngày 21 tháng 3 năm 2022. Công ty vẫn đang trong quá trình xin Bộ Tài chính cấp Giấy phép sửa đổi ghi nhận nhóm Chủ sở hữu mới và thay đổi tên của chủ sở hữu từ FWD Life Insurance Company (Bermuda) Limited sang các nhà đầu tư mới (xem thuyết minh số I.5).

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	Năm nay	Năm trước
Phí bảo hiểm gốc	131.879.026.687	232.972.950.488
<i>Bảo hiểm hỗn hợp</i>	119.939.696.900	210.834.415.900
<i>Bảo hiểm từ kỳ</i>	8.439.963.779	16.089.460.600
<i>Sản phẩm bổ trợ</i>	3.593.495.500	6.561.684.800
<i>Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc</i>	(94.129.492)	(512.610.812)
Giảm dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm gốc	1.002.235.900	1.027.780.440
Cộng	132.881.262.587	234.000.730.928

2. Tổng chi phí bồi thường và trả tiền bảo hiểm

	Năm nay	Năm trước
Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	196.416.537.031	230.865.391.406
<i>Bảo hiểm hỗn hợp</i>	194.990.217.275	228.512.574.012
<i>Bảo hiểm từ kỳ</i>	812.219.756	1.095.517.394
<i>Bảo hiểm sức khỏe</i>	-	-
<i>Sản phẩm bổ trợ</i>	614.100.000	1.257.300.000
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(8.160.000)	(16.080.000)
Giảm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	(68.548.517.759)	(40.222.792.709)
<i>Giảm dự phòng toán học</i>	(78.031.042.225)	(49.478.470.867)
<i>Giảm dự phòng bồi thường</i>	(1.439.115.196)	(1.455.552.114)
<i>Tăng dự phòng chia lãi</i>	10.349.028.864	9.837.852.863
<i>Tăng dự phòng đảm bảo cân đối</i>	572.610.798	873.377.409
Cộng	127.859.859.272	190.626.518.697

3. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	Năm nay	Năm trước
Chi hoa hồng bảo hiểm	1.003.816.883	2.230.495.975
Chi phí y tế, khám sức khỏe cho khách hàng	2.419.000	885.000
Chi phí khác	181.410.010	363.079.357
Cộng	1.187.645.893	2.594.460.332

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	96.317.181.696	153.184.105.569
Lãi đầu tư trái phiếu Chính phủ	22.926.739.728	22.924.000.002
Lãi đầu tư trái phiếu doanh nghiệp	29.138.602.436	-
Lãi từ tạm ứng giá trị hoàn lại	2.068.363.507	3.074.128.498
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.720.060	5.057.916
Doanh thu tài chính khác	54.473.000	28.869.700
Cộng	150.512.080.427	179.216.161.685

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN TT

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho người lao động	1.938.469.721	12.231.697.370
Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí khuyến mại	(175.922.000)	734.360.000
Chi phí thuê văn phòng	128.223.560	562.761.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.400.866.588	438.948.955
Chi phí dịch vụ công nghệ thông tin	6.099.384.800	-
Chi phí khác	63.649.582	194.899.321
Cộng	16.454.672.251	14.162.667.259

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho người lao động	56.668.347.933	93.536.224.733
Chi phí dịch vụ công nghệ thông tin	6.576.519.675	5.237.840.486
Chi phí thuê văn phòng	5.175.363.638	6.495.662.284
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến bán hàng	677.936.108	1.136.465.421
Chi phí chuyên gia	2.497.991.800	1.593.225.761
Chi phí đào tạo, tuyển dụng	345.116.542	698.707.911
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.531.328.285	3.670.136.717
Chi phí khác	3.550.710.433	5.378.006.758
Cộng	80.023.314.414	117.746.270.071

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty**

		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	54,20	32,61
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	45,80	67,39
Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	62,56	64,54
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	37,44	35,46
Tính thanh khoản			
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	9,90	16,52
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	9,24	15,23
Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	2,27	3,45
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	%	15,98	16,74
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	4,86	7,78

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

2. Quản lý rủi ro

2a. Mục tiêu quản lý rủi ro và các chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm

Tổng Giám đốc của Công ty nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro minh bạch và hiệu quả nhằm đảm bảo các mục tiêu hoạt động của Công ty; đồng thời bảo vệ các thành viên góp vốn, các khách hàng và các bên liên quan khác.

Công ty đã thiết lập bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản hoạt động được phê duyệt và một cơ cấu tổ chức rõ ràng. Một khung chính sách quản lý rủi ro chung đã được phát triển và phê duyệt ban hành bởi Tổng Giám đốc của Công ty nhằm áp dụng rộng rãi trong Công ty.

Ngoài các rủi ro hoạt động và rủi ro tài chính có thể gặp phải như các tổ chức tài chính khác, với đặc thù của các sản phẩm và hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm bằng các hoạt động quản lý vốn, các chính sách tái bảo hiểm; thực hiện các quy trình kiểm soát hạn mức khai thác bảo hiểm, phê duyệt cho các giao dịch nghiệp vụ bảo hiểm, giao dịch có liên quan đến sản phẩm. Mục tiêu của Công ty là đa dạng hóa danh mục rủi ro, đưa ra nguyên tắc về đảm bảo an toàn vốn, đồng thời giám sát các vấn đề phát sinh.

2b. Quản lý vốn

Công ty ưu tiên duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định, cũng như các yêu cầu về Biên khả năng thanh toán theo quy định của các văn bản pháp luật liên quan. Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán và biên khả năng thanh toán tối thiểu của Công ty:

	Biên khả năng thanh toán của Công ty	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
	Triệu VND	Triệu VND	%
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	890.937	63.076	1.412,49
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	852.704	69.184	1.232,52

2c. Các hoạt động tái bảo hiểm

Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm, thông qua hai hình thức tái bảo hiểm theo mức dôi và tái bảo hiểm theo tỷ lệ. Đối với thỏa thuận tái bảo hiểm mức dôi, số tiền bảo hiểm giữ lại đối với mỗi hợp đồng là 800 triệu VND hoặc 500 triệu VND căn cứ vào từng sản phẩm cụ thể. Đối với thỏa thuận tái bảo hiểm theo tỷ lệ, tỷ lệ số tiền bảo hiểm được tái là 50% hoặc 60% số tiền bảo hiểm gốc căn cứ vào từng sản phẩm cụ thể. Theo các điều khoản của các thỏa thuận tái bảo hiểm, Công ty nhận tái bảo hiểm đồng ý bồi hoàn số tiền thuộc trách nhiệm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần thuộc trách nhiệm công ty nhận tái nếu công ty nhận tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

2d. Các quy trình nghiệp vụ

Phê duyệt sản phẩm mới, khai thác bảo hiểm, các quy trình phê duyệt giao dịch nghiệp vụ; quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường được xây dựng và tuân thủ nghiêm ngặt nhằm đảm bảo mục tiêu hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm.

2e. Các giả định trong tính toán dự phòng bảo hiểm nhân thọ

Công ty lập các loại dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhằm đảm bảo thực hiện các cam kết đối với khách hàng theo quy định tại các văn bản pháp luật liên quan và phải được chuyên gia tính toán xác nhận. Để thiết lập các dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, giả định được đưa ra nhằm đảm bảo bằng việc áp dụng giả định tương đối thận trọng để tránh các biến động trong thực tiễn hoạt động. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn bao gồm:

- Bảng tỷ lệ tử vong: Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở kỹ thuật được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Công ty hiện đang sử dụng Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980.
- Bảng tỷ lệ bệnh tật, thương tật, tai nạn: Tỷ lệ xảy ra bệnh tật trong tính toán dự phòng dựa trên Cơ sở kỹ thuật được Bộ Tài chính phê duyệt. Các tỷ lệ rủi ro bệnh tật, thương tật, tai nạn được tính toán dựa trên kinh nghiệm của doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm hoặc được cung cấp bởi các công ty tái bảo hiểm quốc tế có nhiều kinh nghiệm tại thị trường Việt Nam và được Bộ Tài chính phê duyệt.
- Lãi suất: Công ty sử dụng lãi suất trích lập dự phòng cho các hợp đồng bảo hiểm được phát hành là 2,15%/năm (năm trước: lãi suất trích lập dự phòng cho các hợp đồng bảo hiểm được phát hành là 2,15%), tuân theo Thông tư 67 và lãi suất này đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước khi áp dụng.

2f. Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm

Đặc điểm cơ bản của hoạt động bảo hiểm truyền thống dài hạn là cung cấp quyền lợi bảo hiểm rủi ro như tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, bệnh tật, tai nạn. Các sản phẩm bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm đều được đảm bảo quyền lợi đáo hạn và quyền lợi nhận giá trị hoàn lại trong trường hợp hủy hợp đồng bảo hiểm (nếu có). Đối với các sản phẩm truyền thống Công ty đã triển khai đồng thời các sản phẩm không tham gia chia lãi và các sản phẩm tham gia chia lãi.

Rủi ro đầu tư được quản lý thông qua việc cân đối giữa tài sản và các khoản công nợ. Các chiến lược đầu tư được xây dựng nhằm đáp ứng hợp lý mức lợi suất đầu tư kỳ vọng của các chủ hợp đồng bảo hiểm. Rủi ro tử vong, bệnh tật, tai nạn được quản lý thông qua việc thực hiện đúng quy trình phát hành/cấp đơn bảo hiểm.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá và rủi ro lãi suất.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do phần lớn các tài sản và công nợ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đều có gốc là Đồng Việt Nam.

Rủi ro về giá

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có nắm giữ một số trái phiếu Chính phủ. Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro về giá của các trái phiếu này là thấp.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro về lãi suất đối với các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu Chính phủ đầu tư dài hạn. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam của Công ty có nhiều mức lãi suất khác nhau và sẽ chịu rủi ro lãi suất khi tái đầu tư.

3b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các đối tác có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng. Công ty còn có những khoản phải thu về bảo hiểm và những khoản phải thu khác cũng phải chịu rủi ro tín dụng. Để giảm thiểu rủi ro này, công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm và các đối tác kinh doanh khác.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng như sau:

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị	Suy giảm giá trị riêng biệt	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.393.181.851	-	-	143.393.181.851
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	923.873.189.365	-	-	923.873.189.365
Tiền gửi có kỳ hạn	900.000.000.000	-	-	900.000.000.000
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại	23.873.189.365	-	-	23.873.189.365
Phải thu của khách hàng	12.547.026.626	-	-	12.547.026.626
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	60.603.778.010	-	-	60.603.778.010
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.277.739.870.752	-	-	1.277.739.870.752
Tiền gửi có kỳ hạn	418.000.000.000	-	-	418.000.000.000
Trái phiếu chính phủ	389.739.870.752	-	-	389.739.870.752
Trái phiếu ngân hàng	470.000.000.000	-	-	470.000.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	16.498.735.412	-	-	16.498.735.412
Tổng tài sản	2.446.655.782.016	-	-	2.446.655.782.016

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị	Suy giảm giá trị riêng biệt	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	112.053.424.317	-	-	112.053.424.317
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.444.464.196.290	-	-	1.444.464.196.290
Tiền gửi có kỳ hạn	1.418.000.000.000	-	-	1.418.000.000.000
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại	26.464.196.290	-	-	26.464.196.290
Phải thu của khách hàng	20.416.692.068	-	-	20.416.692.068
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	110.025.017.557	-	-	110.025.017.557

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị	Suy giảm giá trị riêng biệt	Tổng cộng
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	741.298.609.060	-	-	741.298.609.060
<i>Trái phiếu Chính phủ</i>	<i>391.298.609.060</i>	-	-	<i>391.298.609.060</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>350.000.000.000</i>	-	-	<i>350.000.000.000</i>
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	5.118.948.872	-	-	5.118.948.872
Tổng tài sản	2.445.376.888.164	-	-	2.445.376.888.164

3c. Rủi ro thanh khoản

Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền, đặc biệt cho những khoản bồi thường quyền lợi bảo hiểm theo luật hiện hành. Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động, đồng thời cũng xây dựng kế hoạch chi trả định kỳ để thanh toán những khoản nợ này.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 – DN/TT

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn của các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng của các tài sản và nợ phải trả tài chính tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày đáo hạn:

	Không xác định ngày kỳ hạn	Quá hạn	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.393.181.851	-	-	-	-	143.393.181.851
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	23.873.189.365	-	900.000.000.000	-	-	923.873.189.365
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	900.000.000.000	-	-	900.000.000.000
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại	23.873.189.365	-	-	-	-	23.873.189.365
Phải thu của khách hàng	-	-	12.547.026.626	-	-	12.547.026.626
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.058.147.753	-	56.545.630.257	-	-	60.603.778.010
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	418.000.000.000	859.739.870.752	1.277.739.870.752
Trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-	389.739.870.752	389.739.870.752
Trái phiếu Ngân hàng	-	-	-	-	470.000.000.000	470.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	418.000.000.000	-	418.000.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	-	-	-	12.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	24.750.000	-	-	16.473.985.412	-	16.498.735.412
Tổng tài sản	183.349.268.969	-	969.092.656.883	434.473.985.412	859.739.870.752	2.446.655.782.016
Nợ phải trả						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	5.632.741.676	-	2.446.408.832	171.831.073	1.437.478.552.912	1.445.729.534.493
Phải trả cho người bán	-	-	104.234.078.539	-	-	104.234.078.539
Phải trả khác và chi phí phải trả	-	-	1.328.415.660	-	-	1.328.415.660
Tổng nợ phải trả	5.632.741.676	-	108.008.903.031	171.831.073	1.437.478.552.912	1.551.292.028.692

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 – DN TT

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn của các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng của các tài sản và nợ phải trả tài chính tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày đáo hạn:

	Không xác định ngày kỳ hạn	Quá hạn	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền và các khoản tương đương tiền	112.053.424.317	-	-	-	-	112.053.424.317
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	26.464.196.290	-	1.418.000.000.000	-	-	1.444.464.196.290
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	1.418.000.000.000	-	-	1.418.000.000.000
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại	26.464.196.290	-	-	-	-	26.464.196.290
Phải thu của khách hàng	-	-	20.416.692.068	-	-	20.416.692.068
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.396.185.027	-	106.628.832.530	-	-	110.025.017.557
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	350.000.000.000	391.298.609.060	741.298.609.060
Trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-	391.298.609.060	391.298.609.060
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	350.000.000.000	-	350.000.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	-	-	-	12.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	24.750.000	-	-	5.094.198.872	-	5.118.948.872
Tổng tài sản	153.938.555.634	-	1.545.045.524.598	355.094.198.872	391.298.609.060	2.445.376.888.164
Nợ phải trả						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	5.060.130.878	-	4.849.554.750	1.084.421.525	1.504.286.180.999	1.515.280.288.152
Phải trả cho người bán	-	-	71.272.566.813	-	-	71.272.566.813
Phải trả khác và chi phí phải trả	-	-	3.737.875.477	-	-	3.737.875.477
Tổng nợ phải trả	5.060.130.878	-	79.859.997.040	1.084.421.525	1.504.286.180.999	1.590.290.730.442



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FWD VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 – DNTT

4. Giao dịch và số dư với bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

4a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 6.447.969.434 VND (năm trước là 24.027.312.906 VND).

4b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
FWD Life Insurance Company (Bermuda) Limited	Chủ sở hữu của Công ty (theo Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC3/KDBH) đến ngày 21 tháng 3 năm 2022
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam	Công ty con cùng Tập đoàn đến ngày 21 tháng 3 năm 2022

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.11.



Địa chỉ: Phòng 1101, Tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DNTT

Tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê này theo các thời hạn như sau:

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tiền thuê văn phòng và phí quản lý tại Phòng 201-202, tòa nhà UOA, Số 6 đường Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh được Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê thay đổi hàng năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 16 tháng 8 năm 2023.
- Tiền thuê văn phòng tại tầng 11 và kho tại tầng 21 tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội được Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê cố định trong 2 năm tính từ ngày 27 tháng 5 năm 2024.

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Trần Đăng Dũng
Giám đốc cấp cao Khối Tài chính

Bùi Thị Thanh Hiền
Chủ tịch